

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/HS-ST
Ngày: 14-6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ.

Ông Nguyễn Long Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Thái Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2022/TLST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2022/HSST-QĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh năm 1991 tại Nghệ An; nơi đăng ký thường trú: xóm 19, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An; chỗ ở hiện nay: tổ 16, ấp 4, xã V, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: thợ hồ; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Đạo thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T1 và bà Lê Thị N; có vợ là Phan Thị T2 và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 13 tháng 9 năm 2021 đến ngày 22 tháng 9 năm 2021 tạm giam cho đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hoàng Sỹ S, sinh năm 1986, Luật sư Công ty Luật Trách Nhiệm hữu hạn tư pháp Sài Gòn thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Bị hại: Ông Chu Văn X, sinh năm 1971; địa chỉ: xóm 3, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Trần Văn T1, sinh năm 1964; địa chỉ: xóm 3, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An; có mặt.

2. Bà Lê Thị N, sinh năm 1967; địa chỉ: xóm 3, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

3. Chị Phan Thị T2, sinh năm 1994; địa chỉ: xóm 3, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1, bà N và chị T2: Anh Trần Văn A, sinh năm 1978; địa chỉ: xóm 3, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 03 tháng 11 năm 2021), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Trần Văn T và Chu Văn X là bà con với nhau cùng vào xã V, huyện B, tỉnh Bình Dương làm nghề thợ hồ. Tối ngày 12 tháng 09 năm 2021, T đến phòng trọ của Chu Văn C tại ấp 4, xã V, huyện B, tỉnh Bình Dương để uống trà. Tại đây, T gặp ông X và Lê Anh Đ cũng có mặt ở đây. Vào khoảng 00 giờ 45 phút, ngày 13 tháng 09 năm 2021, khi tất cả đang ngồi nói chuyện thì T đòi ông X số tiền 400.000 đồng, ông X vay của T trước đó. Ông X nói không có tiền, sau đó hai bên xảy ra cự cãi. T nói với ông X “ông không có tiền thì xin cháu cho, nói chuyện cho đàng hoàng”, ông X nghe vậy thì chửi tục và nói “tao mà phải xin mày à”. Sau đó, ông X đi đến nắm cổ áo T, T gạt tay ông X ra và dùng tay phải nắm 01 cái vào mặt làm ông X ngã loạng choạng rồi T bỏ ra ngoài trước phòng trọ. Ông X đuổi theo, tay cầm điều cày bằng tre, dài 63cm, đường kính 05cm đánh về phía T, T dùng tay gạt ống điều cày làm ống điều rơi xuống mặt đường, ông X tiếp tục lao vào đánh T, T đỡ được. T dùng tay phải nắm hai cái vào mang tai trái, sau đó T nhặt điều cày lên và dùng tay phải đánh liên tiếp hai cái vào đầu khiến ông X gục xuống đường, hai tay ôm đầu, T bỏ về. Ông X được người dân đưa đi cấp cứu tại bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương. Bà Lê Thị D là chủ nhà trọ nơi xảy ra vụ việc trên đã làm đơn trình báo lên Công an xã Trừ Văn Thố.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”.

Theo bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 480/2021/GDPY ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bình Dương thương tích của bị hại Chu Văn X được xác định:

- Vết thương đầu vùng thái dương trái 2 x 0,2cm, lún sọ kích thước 05 x 0,2cm, máu tụ ngoài màng cứng thái dương đỉnh trái, dập não thái dương đỉnh trái, khí nội sọ, đã được điều trị nội khoa.

- Vết thương tai trái, máu đọng ống tai trái đã lành.

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 26%.

- Cơ chế hình thành vết thương:

+ Vết thương đầu vùng thái dương trái, lún sọ: Chiều nằm ngang hướng từ trái sang phải, bờ không rõ, khả năng do vật tày gây ra.

+ Chấn thương tai trái: Hiện lành, không có thương tích ngoài da, nên không xác định được cơ chế hình thành vết thương.

+ Với tình trạng thương tích ở vùng đầu, có tổn thương sọ não nhưng vẫn tỉnh táo, không ghi nhận tình trạng hôn mê, không yếu liệt, không có chỉ định phẫu thuật sọ não, chỉ điều trị nội khoa. Do đó, trường hợp này nếu không cấp cứu kịp thời cũng không nguy hiểm đến tính mạng.

Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định nêu trên.

Về bồi thường thiệt hại: Ông Trần Văn A là đại diện ủy quyền của cha, mẹ, vợ Trần Văn T đã bồi thường thay cho bị cáo số tiền 86.216.000 đồng bao gồm chi phí điều trị thương tích là 36.216.000 đồng và 50.000.000 đồng tiền duy trì khám và điều trị. Bị hại Chu Văn X nhận tiền, không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin bãi nại giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về vật chứng: Theo Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm ngày 13 tháng 9 năm 2021 (bút lục số 02), vật chứng thu giữ là 01 điều cày dài 63cm, đường kính 05cm.

- Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản Cáo trạng số 21/QĐ-KSĐT ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo T và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo T từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm.

+ Về trách nhiệm dân sự: đã xử lý xong.

+ Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 (một) ống điều cày bằng tre, cứng, chiều dài 63cm, đường kính 05cm.

Tại phiên tòa, bị cáo và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T1, bà N và chị T2 là anh A không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa, người bào chữa của bị cáo không có khiếu nại hay ý kiến gì về mặt tố tụng; thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên đối với bị cáo T về tội danh, về hình phạt, về vấn đề dân sự và về xử lý vật chứng của vụ án là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo theo mức án theo Viện kiểm sát đề nghị.

Bị hại không có mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về đi phụ giúp gia đình, phụng dưỡng cha mẹ và làm một công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận: Khoảng 00 giờ 45 phút ngày 13 tháng 09 năm 2021, tại khu nhà trọ thuộc ấp 4, xã V, huyện B, tỉnh Bình Dương bị cáo T dùng tay đâm vào mang tai trái hai cái và dùng điều cày bằng tre dài 63cm, đường kính 05cm đánh liên tiếp 02 cái vào đầu ông X gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 26%. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, nội dung bản Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo T phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Cáo trạng truy tố bị cáo theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự do chính hành vi phạm tội của mình gây ra. Hành vi gây thương tích của bị cáo đối với bị hại X là nguy hiểm, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của bị hại X được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xử lý bằng biện pháp hình sự tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn cần thiết.

[4] Xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ do bị cáo đòi tiền bị hại mà bị cáo đã có hành vi dùng tay đâm vào mang tai trái hai cái và dùng điều cày bằng tre đánh liên tiếp hai cái vào đầu bị hại X gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 26%. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật, xem thường tính mạng, sức khỏe của bị hại X. Xét yếu tố lỗi, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Từ những phân tích trên, cần xử bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục cho bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

[5.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[5.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo tác động cho gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị hại thuộc hộ nghèo; bị hại có đơn bãi nại và giảm

nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về trách nhiệm dân sự: gia đình của bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 86.216.000 đồng, bao gồm chi phí điều trị thương tích là 36.2160.000 đồng và 50.000.000 đồng tiền duy trì khám chữa bệnh. Bị hại đã nhận đủ tiền và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành chủ trương chính sách của pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú và có nơi cư trú rõ ràng để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám sát, giáo dục. Xét thấy, không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Hội đồng xét xử xét áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo, cho bị cáo hưởng án treo là đã đủ căn cứ, giáo dục bị cáo.

[8] Ý kiến của người bào chữa của bị cáo T tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với bị cáo tại phiên tòa đã xem xét đầy đủ, toàn diện các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo T nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về xử lý vật chứng: đối với 01 (một) ống điều cày bằng tre, cứng, chiều dài 63cm, đường kính 05cm là vật chứng không có giá trị nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

[11] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào Điều 1, Điều 2, Điều 4, Điều 5 và Điều 6 của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo;

Căn cứ vào Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23, mục 1 Phần I Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án (ban

hành kèm theo) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: đã giải quyết xong.

3. Về xử lý vật chứng: tịch thu tiêu hủy 01 (một) ống điều cày bằng tre, cứng, chiều dài 63cm, đường kính 05cm.

(Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng ngày 09 tháng 3 năm 2022).

4. Về án phí: bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, Văn phòng.

Nguyễn Thanh Tùng